Chi tiết mã HS 3006

Mã HS	3006
Mô tả hàng hóa	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này
Đơn vị	
Thời điểm tạo	03/11/2026 01:22:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3006/

15 dòng thuế thuộc 3006

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3006.10.10	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chỉ catgut phẫu thuật vô trùng, các vật liệu khâu (suture) vô trùng tương tự (kể cả chỉ tự tiêu vô trùng dùng cho nha khoa hoặc phẫu thuật) và keo tạo màng vô trùng dùng để khép miệng vết thương trong phẫu thuật; tảo nong vô trùng và nút tảo nong vô trùng; sản phẩm cầm máu tự tiêu vô trùng trong phẫu thuật hoặc nha khoa; miếng chắn dính vô trùng dùng trong nha khoa hoặc phẫu thuật, có hoặc không tự tiêu: / - - Chỉ tự tiêu vô trùng dùng cho nha khoa hoặc phẫu thuật; miếng chắn dính vô trùng dùng trong nha khoa hoặc phẫu thuật, có hoặc không tự tiêu	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.10.90	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chỉ catgut phẫu thuật vô trùng, các vật liệu khâu (suture) vô trùng tương tự (kể cả chỉ tự tiêu vô trùng dùng cho nha khoa hoặc phẫu thuật) và keo tạo màng vô trùng dùng để khép miệng vết thương trong phẫu thuật; tảo nong vô trùng và nút tảo nong vô trùng; sản phẩm cầm máu tự tiêu vô trùng trong phẫu thuật hoặc nha khoa; miếng chắn dính vô trùng dùng trong nha khoa hoặc phẫu thuật, có hoặc không tự tiêu: / - - Loại khác	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.30.10	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chế phẩm cản quang dùng trong việc kiểm tra bằng tia X; các chất thử chẩn đoán bệnh được chỉ định dùng cho bệnh nhân: / - - Bari sulphat, dạng uống (*)	kg/chiếc	10,5%	7%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.30.20	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chế phẩm cản quang dùng trong việc kiểm tra bằng tia X; các chất thử chẩn đoán bệnh được chỉ định dùng cho bệnh nhân: / - - Các chất thử nguồn gốc vi sinh, loại phù hợp để chẩn đoán sinh học trong thú y	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3006.30.30	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chế phẩm cản quang dùng trong việc kiểm tra bằng tia X; các chất thử chẩn đoán bệnh được chỉ định dùng cho bệnh nhân: / - - Các chất thử chẩn đoán vi sinh khác	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.30.90	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chế phẩm cản quang dùng trong việc kiểm tra bằng tia X; các chất thử chẩn đoán bệnh được chỉ định dùng cho bệnh nhân: / - - Loại khác	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.40.10	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Xi măng hàn răng và các chất hàn răng khác; xi măng gắn xương: / - - Xi măng hàn răng và các chất hàn răng khác	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.40.20	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Xi măng hàn răng và các chất hàn răng khác; xi măng gắn xương: / - - Xi măng gắn xương	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.50.00	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Hộp và bộ dụng cụ sơ cứu	kg/bộ	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.60.00	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Các chế phẩm hóa học dùng để tránh thai dựa trên hormon, dựa trên các sản phẩm khác thuộc nhóm 29.37 hoặc dựa trên các chất diệt tinh trùng	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.70.00	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Các chế phẩm gel được sản xuất để dùng cho người hoặc thú y như chất bôi trơn cho các bộ phận của cơ thể khi tiến hành phẫu thuật hoặc khám bệnh hoặc như một chất gắn kết giữa cơ thể và thiết bị y tế	kg/chiếc	5%	0%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.91.00	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Loại khác: / - - Dụng cụ chuyên dụng cho mổ tạo hậu môn giả	kg/chiếc	7,5%	5%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.92.10	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Loại khác: / - - Phế thải dược phẩm: / - - - Của thuốc điều trị ung thư, HIV/AIDS hoặc các bệnh khó chữa khác	kg/chiếc	21%	14%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)
3006.92.90	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Loại khác: / - - Phế thải dược phẩm: / - - - Loại khác	kg/chiếc	21%	14%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3006.93.00	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Loại khác: / - - Giả dược (placebo) và bộ dụng cụ thử nghiệm lâm sàng mù (hoặc mù đôi) để sử dụng trong các thử nghiệm lâm sàng được công nhận, được đóng gói theo liều lượng	kg/chiếc	22,5%	15%	5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.